TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Đ** **TỈNH B**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 64/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 11/6/2018
V/v "Ly hôn và nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH B

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị N. Y
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Minh H.
2. Ông Nguyễn Thanh T.

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Mộng N là thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh B.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ *tham gia phiên toà:*
Ông: Nguyễn Trung T1 - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 6 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 159/2018/TLST – HNGĐ, ngày 09 tháng 5 năm 2018 về việc "Ly hôn và nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 56/2018/QĐXX-ST ngày 25 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn R, sinh năm 1976;

Địa chỉ: ấp Bửu 2, xã L, huyện Đ, tỉnh B.

Bị đơn: Chị Cao Thu T, sinh năm 1973;

Địa chỉ: ấp Bửu 2, xã L, huyện Đ, tỉnh B.

(Anh R, chị T có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Anh Nguyễn Văn R và chị Cao Thu T thống nhất trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Năm 1998 anh chị kết hôn trên tinh thần tự nguyện, có tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện G, tỉnh B.

Nguyên nhân ly hôn theo anh R xác định trong thời gian chung sống vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm, mâu thuẫn và vợ chồng đã sống ly thân 01 năm nay. Anh xác định tình cảm không còn, nên không còn khả năng hàn gắn, anh yêu cầu được ly hôn.

Theo chị T trình bày nguyên nhân ly hôn do anh R không chung thủy trong đời sống vợ chồng. Anh R đi làm xa, có quen biết với người phụ nữ khác khiến cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, vợ chồng đã sống xa nhau khoảng 01

năm, trong khoảng thời gian này vợ chồng không gặp lại để hòa giải, hàn gắn. Nay anh R yêu cầu ly hôn thì chị cũng đồng ý.

Về con chung: Có 02 người con chung là Nguyễn Yến N, sinh ngày 06/5/2004 và Nguyễn Cao N1, sinh ngày 05/4/2008, hiện đang sống cùng chị T. Khi ly hôn anh chị yêu cầu Tòa án giải quyết việc nuôi con theo nguyện vọng của hai con.

Về cấp dưỡng: Anh R tự nguyện cấp dưỡng nuôi con số tiền 1.500.000 đồng/người/01 tháng; chị T yêu cầu anh R cấp dưỡng nuôi con mỗi người con là 2.000.000 đồng/01 tháng.

Về tài sản chung và nợ: Anh Nguyễn Văn R và chị Cao Thu T không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh B phát biểu quan điểm cho rằng: quá trình thụ lý giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng quy định Luật tố tụng dân sự; nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật.

Nội dung vụ án:

Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Văn R và chị Cao Thu T.

Về con chung: Giao 02 con chung Nguyễn Yến N, sinh ngày 06/5/2004 và Nguyễn Cao N1, sinh ngày 05/4/2008 cho chị Cao Thu T trực tiếp nuôi dưỡng, hiện chị T đang nuôi dưỡng được giữ nguyên.

Về cấp dưỡng nuôi con: Buộc anh Nguyễn Văn R có nghĩa vụ cấp dưỡng cho Nguyễn Cao N1 và Nguyễn Yến N số tiền 1.500.000đ/người/tháng cho đến khi N1 và N tròn 18 tuổi. Thời hạn cấp dưỡng tính từ tháng 6/2018.

Về án phí sơ thẩm hôn nhân: Anh Nguyễn Văn R phải chịu số tiền 300.000đ và nộp án phí cấp dưỡng số tiền 300.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ về tuân theo pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Nguyễn Văn R khởi kiện yêu cầu ly hôn với chị Cao Thu T có địa chỉ cư trú tại xã L, huyện Đ, tỉnh B. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh B.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Năm 1998 anh chị kết hôn trên tinh thần tự nguyện. Tuy Nên, trong thời gian anh chị chung sống không hạnh phúc, mâu thuẫn cãi vã,

mất lòng tin với nhau và anh chị đã sống ly thân 01 năm nay. Trong thời gian sống ly thân anh chị cũng không tìm được biện pháp để hàn gắn cuộc sống vợ chồng. Nay anh R yêu cầu ly hôn thì chị T cũng đồng ý nên cần ghi nhận sự tự nguyện này của các bên đương sự.

Về con chung: Tại biên bản ghi lời khai ngày 15/5/2018 Nguyễn Yến N và Nguyễn Cao N1 đều có nguyện vọng được sống với chị T. Chị T và anh R xác định con có nguyện vọng sống với ai thì người đó có trách Nệm nuôi dưỡng. Vì vậy cần ghi nhận sự tự nguyện này của các bên đương sự, giao 02 con chung cho chị T nuôi dưỡng là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: Tại khoản 2 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình quy định: "Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con". Anh R cũng đồng ý tự nguyện cấp dưỡng nuôi con. Do đó cần buộc anh R cấp dưỡng nuôi bé N và N1 là phù hợp. Tuy Nên, chị T yêu cầu anh R cấp dưỡng nuôi con 2.000.000đ/người con/tháng, anh R tự nguyện cấp dưỡng nuôi con số tiền 1.500.000đ/người con/tháng.

Tại khoản 1 Điều 116 Luật hôn nhân và gia đình quy định: "Mức cấp dưỡng do người có nghĩa vụ cấp dưỡng và người được cấp dưỡng hoặc người giám hộ của người đó thỏa thuận căn cứ vào thu nhập, khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng và nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết". Trường hợp này, anh R và chị T không thỏa thuận được với nhau, nên cần căn cứ theo quy định của pháp luật để giải quyết. Xét điều kiện kinh tế của anh R thì anh R người lao động không có thu nhập ổn định và chị T cũng không chứng minh được thu nhập của anh R mỗi tháng là bao Nêu. Đồng thời nghĩa vụ nuôi con là của cả anh R và chị T, chị T là người trực tiếp nuôi dưỡng, anh R cấp dưỡng là để phụ một phần, nhằm giảm bớt gánh nặng về mặt kinh tế cho chị và thể hiện vai trò, trách Nệm của người làm cha đối với con. Do đó cần chấp nhận theo sự tự nguyện của anh R cấp dưỡng số tiền 1.500.000đ/một người con/tháng là phù hợp.

Anh Nguyễn Văn R có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung: Không có nên không đặt ra xem xét.

Về án phí sơ thẩm hôn nhân: Anh Nguyễn Văn R phải chịu số tiền 300.000đ và nộp án phí cấp dưỡng số tiền 300.000đ, anh R đã nộp tạm ứng án phí 300.000đ theo biên lai thu số 0011129 ngày 09/5/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ được chuyển thu án phí, anh R còn phải nộp thêm số tiền 300.000đ tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 482 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 9, các Điều 55, 81, 82, 83, 84, 110, 116 Luật hôn nhân và gia đình;

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Văn R và chị Cao Thu T.

2. Về con chung: Giao 02 con chung Nguyễn Yến N, sinh ngày 06/5/2004 và Nguyễn Cao N1, sinh ngày 05/4/2008 cho chị Cao Thu T trực tiếp nuôi dưỡng, hiện chị T đang nuôi dưỡng được giữ nguyên.

Về cấp dưỡng nuôi con: Buộc anh Nguyễn Văn R có nghĩa vụ cấp dưỡng cho Nguyễn Cao N1 và Nguyễn Yến N số tiền 1.500.000đ/người/tháng cho đến khi N1 và N tròn 18 tuổi. Thời hạn cấp dưỡng tính từ tháng 6/2018.

Anh Nguyễn Văn R có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về án phí sơ thẩm hôn nhân: Anh Nguyễn Văn R phải chịu số tiền 300.000đ và nộp án phí cấp dưỡng số tiền 300.000đ, anh R đã nộp tạm ứng án phí 300.000đ theo biên lai thu số 0011129 ngày 09/5/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ được chuyển thu án phí, anh R còn phải nộp thêm số tiền 300.000đ tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ.

Án xử công khai, các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị N. Y

Nơi nhận:
- TAND tỉnh B;
- VKSND huyện Đ;
- Chi Cục THA.DS huyện Đ;
- Các đương sự;
- Lưu.